

Số: *lo*.../TT-KBE

Kiên Giang, ngày 08 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020.
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ban hành toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (*Bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét chấp thuận thông qua.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Dũng

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

D T H O

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CẢNH SÁT QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THI T B TR NG H C KIÊN GIANG



*(Ban hành theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên năm 2021
Công ty Cổ phần Sách - Thi t B Tr ng H c Kiên Giang)*

Kiên Giang, ngày ... tháng ... năm 2021

M C L C

| | |
|--|-----------|
| CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG | 3 |
| điều 1. Phạm vi điều chỉnh và tính áp dụng | 3 |
| điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị | 3 |
| điều 3. Nhiệm vụ và các thuật ngữ | 3 |
| CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 4 |
| điều 4. Quy định về nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị | 4 |
| điều 5. Quy định cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị | 5 |
| điều 6. Số lượng, nhiệm kỳ, và cấu trúc thành viên Hội đồng quản trị | 5 |
| điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị | 5 |
| điều 8. Chức vụ Hội đồng quản trị | 6 |
| điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị | 7 |
| điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị | 8 |
| điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị | 10 |
| CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 10 |
| điều 12. Quy định về nghĩa vụ của Hội đồng quản trị | 11 |
| điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch | 13 |
| điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triu tập hình ảnh công bố thông tin | 14 |
| điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị | 15 |
| CHƯƠNG IV. CẤU CHỨC PHỐI HỢP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 15 |
| điều 16. Cấu trúc Hội đồng quản trị | 15 |
| điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị | 18 |
| CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH | 19 |
| điều 18. Trình báo cáo hàng năm | 19 |
| điều 19. Thù lao, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị | 20 |
| điều 20. Công khai các lợi ích liên quan..... | 21 |
| CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 21 |
| điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị | 22 |
| điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành | 22 |
| điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát | 22 |
| CHƯƠNG VII. I U KHOA N THI HÀNH | 22 |
| điều 24. Hiệu lực thi hành..... | 23 |

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và tính áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định về cấu trúc nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quy định, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tính áp dụng: Quy chế này có áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những người liên quan có liên quan trong quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Hội đồng công đồng, trước pháp luật và các quy định, quy định của Hội đồng quản trị và sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc thực hiện hành thực hiện các quy định, quy định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Nghĩa vụ và các thủ tục

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc công ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty Cổ phần Sách - Thị trường Chứng khoán Kiên Giang;

b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Ngân sách quản lý doanh nghiệp* là ngân sách quản lý Công ty, bao gồm Chiết khấu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân ghi danh quản lý khác do Hội đồng công đồng hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

e) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán;

f) *Chủ tịch* là cá nhân, tổ chức số ít nhất một thành viên của Công ty cổ phần;

g) *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên;

h) *Thành viên HĐQT không độc lập* là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và nhà quản lý độc lập khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) có sẵn ghi nhận thu nhập cho vì chi phí nội dung và không nhúng nội dung của Quy chế này.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quy định và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có ý thức các quy định và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quy định cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các thành viên trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thể hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của công ty và của Công ty;

b) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề của công ty;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ về Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị về nội dung chi phí nhận các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ của thành viên Hội đồng quản trị và nhà quản lý có liên quan của thành viên

ó; giao dịch giữa Công ty và Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

) Thể hiện công bố thông tin khi thể hiện giao dịch của phi nhân của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quy định cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quy định yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các nhân viên trong Công ty.

2. Người quản lý doanh nghiệp có yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin chi tiết xem khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Số lượng, nhiệm kỳ, và các quyền của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị cùng một lúc thúc nhiệm kỳ thì các thành viên có tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Các quyền của thành viên Hội đồng quản trị:

Các quyền của Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không liên quan. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh liên quan hành của Công ty mà bỏ tính số lượng của Hội đồng quản trị.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không mất thi tịch là công nhân của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và Công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gần gũi với Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

Điều 8. Chức năng Hội đồng quản trị

1. Chức năng Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chức năng Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chức năng Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chọn bổ sung trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Hội đồng;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chức năng Hội đồng quản trị có một chức danh bầu miễn, Hội đồng quản trị phải bầu lại thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhậm chức chức danh bầu miễn.

5. Trường hợp Chức năng Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bổ nhiệm bổ nhiệm cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chức năng Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người ủy quyền hoặc Chức năng Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, vắng mặt hành hình phạt tù, vắng mặt hành biện pháp xử lý hành chính tịch thu quyền bổ nhiệm, các giáo dục bổ nhiệm, trốn khai báo cáo, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó

khôn trong nhữn thc, làm ch hành vi, b Tòa án c m m nhi m ch c v , c m hành ngh ho c làm công vi c nh t nh thì các thành viên còn l i b u m t ng i trong s các thành viên gi ch c Ch t ch H i ng qu n tr theo nguyên t c a s thành viên còn l i tán thành cho n khi có quy t nh m i c a H i ng qu n tr .

6. Khi xét th y c n thi t, H i ng qu n tr quy t nh b nhi m m t (01) ho c nhi u ng i làm Th ký Công ty v i nhi m k theo quy t nh c a H i ng qu n tr . H i ng qu n tr có th bãi nhi m Th ký Công ty khi c n nh ng không trái v i các quy nh pháp lu t hi n hành v lao ng. Th ký Công ty có quy n và ngh a v sau ây:

a) H tr t ch c tri u t p h p i h i ng c ông, H i ng qu n tr ; ghi chép các biên b n h p;

b) H tr thành viên H i ng qu n tr trong vi c th c hi n quy n và ngh a v c giao;

c) H tr H i ng qu n tr trong áp d ng và th c hi n nguyên t c qu n tr Công ty;

d) H tr Công ty trong xây d ng quan h c ông và b o v quy n, l i ích h p pháp c a c ông; vi c tuân th ngh a v cung c p thông tin, công khai hóa thông tin và th t c hành chính;

) Quy n và ngh a v khác theo quy nh t i i u l Công ty, Quy ch n i b v qu n tr Công ty.

i u 9. Mi n nhi m, bãi nhi m, thay th và b sung thành viên H i ng qu n tr

1. i h i ng c ông mi n nhi m thành viên H i ng qu n tr trong tr ng h p sau ây:

a) Không có tiêu chu n và i u ki n theo quy nh t i i u 155 Lu t Doanh nghi p;

b) Có n t ch c và c ch p thu n;

c) Tr ng h p khác quy nh t i i u l Công ty.

2. i h i ng c ông bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr trong tr ng h p sau ây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tiếp, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều 1 Công ty.

3. Khi xét thực hiện thì, Hội đồng quản trị thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị giảm quá một phần ba số vốn quy định tại Điều 1 Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên giảm quá một phần ba;

b) Trường hợp quy định tại khoản này, Hội đồng quản trị bổ sung thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo cách quy định.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số phần trăm thông lệ lên có quyền cử các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 1 Công ty. Việc cử các cổ đông vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phải thông lệ thành nhóm cử các cổ đông vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc thành lập nhóm cho các cổ đông để biết trước khi khai mạc Hội đồng quản trị. Công ty có nhóm cổ đông nắm giữ 10% số cổ đông 20% tổng số phần trăm có quyền bầu quy định các cổ đông 01 thành viên; 20% số cổ đông 30% số cổ đông 02 thành viên; 30% số cổ đông 40% số cổ đông 03 thành viên; 40% số cổ đông 50% số cổ đông 04 thành viên; 50% số cổ đông 60% số cổ đông 05 thành viên; 60% số cổ đông 70% số cổ đông 06 thành viên; 70% số cổ đông 80% số cổ đông 07 thành viên, và từ 80% trở lên số cổ đông 08 thành viên.

b) Các thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều 1 Công ty và khoản 1 Điều 6 Quy chế này, công ty có nhóm cổ đông quy

nhất là khoản lệ phí này quy định một số chi phí theo quy định của pháp luật công nhân viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng công nhân viên Hội đồng quản trị thông qua và quy định theo quy định khoản 5 điều 115 Luật Doanh nghiệp vẫn không số lượng nhất định, Hội đồng quản trị có nhiệm vụ bổ sung công nhân viên theo quy định điều 1 Công ty, Quy chế nội bộ quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị bổ sung công nhân viên phải công bố rõ ràng trước khi tiến hành công bố quy định bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp số lượng công nhân viên do Hội đồng quản trị bổ sung thêm theo khoản 3 điều này vẫn không số lượng nhất định, Hội đồng quản trị có thể cho các công nhân khác bổ sung theo quy định điều 1 Công ty, Quy chế nội bộ quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị bổ sung thành viên phải công bố rõ ràng trước khi tiến hành công bố quy định bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Việc bổ sung quy định bổ sung thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu cử trực tiếp, theo số phiếu công bố tổng số phiếu bầu quy định quy định và tổng số phiếu bầu nhân viên bổ sung của Hội đồng quản trị và công bố quy định bổ sung thành viên công bố phiếu bầu cho một số chi phí bầu cử công nhân viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị xác định theo số phiếu bầu tính toán cao nhất, bất luận công nhân viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi số thành viên quy định điều 1 Công ty. Trường hợp có 02 công nhân viên trở lên cùng số phiếu bầu nhau cho thành viên cùng của Hội đồng quản trị thì số thành viên bầu trong số các công nhân viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định bổ sung của điều 1 Công ty.

6. Nếu số công nhân viên nhân viên hoặc bổ sung thành viên HĐQT công nhân viên thì việc bổ sung thành viên HĐQT có thể thực hiện theo phương thức bầu cử trực tiếp quy định khoản 3 điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức bầu cử (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Trường hợp bổ sung quy định thông qua theo phương thức bầu cử có thể thực hiện theo Khoản 2 điều 21 điều 1 Công ty.

7. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do tiến hành công bố thực hiện theo phương thức bầu cử quy định (tán thành, không tán thành, không

có ý kiến). Trường bị u quyết thông qua theo ph ần g th ực bị u quyết ể quy ểnh t ại Kho ản 2 ị u 21 ị u 1 công ty.

ị u 11. Thông báo v ề b ộ u, m ỉ n n ỉ m, b ải n ỉ m thành viên H ị ểng qu ển tr

1. Trường h ể p ả xác ểnh ể các ểng c ể viên H ị ểng qu ển tr, Công ty ph ểi công b ể thông tin liên quan ể các ểng c ể viên t ểi thi u 10 ngày tr ểc ngày khai m ểch p ểi h ểi ểng c ểng trên trang thông tin ể n t ể c ả Công ty ể công có th ể tìm hi ểu v ể các ểng c ể viên này tr ểc khi b ểph ểu, ểng c ể viên H ị ểng qu ển tr ph ểi có cam k ểt b ểng v ển b ển v ể tính trung th ểc, chính xác ể c ả các thông tin cá nhân ể công b ể và ph ểi cam k ểt th ểc hi ển n ểm v ể m ểt cách trung th ểc, c ển tr ểng và vì l ểi ểch cao nh ểt c ể Công ty n ểu ể b ể u làm thành viên H ị ểng qu ển tr. Thông tin liên quan ể ểng c ể viên H ị ểng qu ển tr ể công b ể bao g ểm:

a) H ể tên, ngày, tháng, n ểm sinh;

b) Trình ể chuyên m ển;

c) Quá trình công tác;

d) Các ch ểc danh qu ển lý khác (bao g ểm c ể ch ểc danh H ị ểng qu ển tr c ể Công ty khác);

ể) L ểi ểch có liên quan t ểi Công ty và các bên có liên quan c ể Công ty;

e) Các thông tin khác (n ểu có) theo quy ểnh t ểi ị u 1 Công ty;

g) Công ty ph ểi có trách n ểm công b ể thông tin v ể các Công ty mà ểng c ể viên ểng n ểm gi ểch c ể v ể thành viên H ị ểng qu ển tr, các ch ểc danh qu ển lý khác và các l ểi ểch có liên quan t ểi Công ty c ể ểng c ể viên H ị ểng qu ển tr (n ểu có).

2. Vi ểc thông báo v ể k ểt qu ể b ộ u, m ỉ n n ỉ m, b ải n ỉ m thành viên H ị ểng qu ển tr th ểc hi ển theo các quy ểnh h ểng đ ển v ể công b ể thông tin.

Ch ểng III

H ị ỂNG QU ỂN TR

Điều 12. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện quy định và nghĩa vụ của Công ty, thực hiện các quy định và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng.

2. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Hội đồng quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quy định và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kinh doanh lợi ích phần và tăng số phần trăm quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán phần chưa bán trong phạm vi số phần trăm quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lợi ích phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phê duyệt và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản tăng lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác giá trị khác trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tuyển dụng, thôi việc, thưởng và lợi ích khác của nhân viên quản lý cấp; công bố đi n theo quy định tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng Công ty khác, quyết định miễn thôi việc và quy định khác của nhân viên cấp;

k) Giám sát, chức năng Giám đốc và người quản lý khác trong nội bộ hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

l) Quy định về cấu trúc, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quy định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duy trì công trình, nội dung tài liệu pháp lý hiện hành công, tri thức pháp lý hiện hành hoặc lý thuyết hiện hành công thông qua quy định;

n) Trình báo cáo tài chính hàng năm để kiểm toán lên hiện hành công;

o) Kinh nghiệm về các rủi ro; quy định về rủi ro và thất bại các cho các lý do phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kinh nghiệm về các rủi ro, giải pháp Công ty; yêu cầu pháp lý Công ty;

q) Quy định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ quản trị Công ty sau khi được hiện hành công thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các nhân viên trong Công ty.

s) Người quản lý các yêu cầu pháp lý cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin các quy định chi tiết tại khoản 2 điều 27 điều lệ Công ty.

t) Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo hiện hành công kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bổ nhiệm ủy viên quy định cụ thể hợp lý ý kiến bổ nhiệm vào hình thức khác do Hội đồng Công ty quy định. Mọi thành viên Hội đồng quản trị có mặt phải ủy quyền.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết vi phạm công, Hội đồng Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên sẽ miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, công của Công ty có quy định yêu cầu Tòa án hình thức hiện hành hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch đơn thuần giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch ưu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một lần, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định của Hội đồng Công ty và Công ty vì một trong các lý do sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các lý do này;

- Công, người đi vay quy định của công suất trên 10% tổng vốn góp phần phê duyệt của Công ty và nhà thầu người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các lý do quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty và công suất 51% tổng số phần vốn có quyền ủy quyền trở lên hoặc người có liên quan của công ty.

3. Người đi vay Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các lý do có liên quan về nội dung hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo danh sách hợp đồng hoặc nội dung chi tiết của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trường hợp Hội đồng Công

ty quy nh m t th i h n khác; thành viên H i ng qu n tr có l i ích liên quan n các bên trong h p ng, giao d ch không có quy n bi u quy t.

đ i u 14. Trách nhi m c a H i ng qu n tr trong vi c tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng

1. H i ng qu n tr p h i tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng trong các tr ng h p sau:

a) H i ng qu n tr xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty;

b) S l ng thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát còn l i ít h n s l ng thành viên t i thi u theo quy nh c a pháp lu t;

c) Theo yêu c u c a c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n 2 đ i u 115 c a Lu t Doanh nghi p; yêu c u tri u t p h p i h i ng c ông p h i c th hi n b ng v n b n, trong ó nêu rõ lý do và m c ích cu c h p, có ch ký c a các c ông liên quan ho c v n b n yêu c u c l p thành nhi u b n và t p h p ch ký c a các c ông có liên quan;

d) Theo yêu c u c a Ban ki m soát;

) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và đ i u l Công ty.

2. Tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng

H i ng qu n tr p h i tri u t p h p i h i ng c ông trong th i h n 60 ngày k t ngày s l ng thành viên H i ng qu n tr ho c thành viên Ban Ki m soát còn l i ít h n s l ng thành viên t i thi u theo quy nh t i đ i u l Công ty ho c nh n c yêu c u quy nh t i đ i m c và đ i m d kho n l i u này;

3. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông p h i th c hi n các công vi c sau ây:

a) Chu n b danh sách c ông đ i u ki n tham gia và bi u quy t/b u c t i cu c h p i h i ng c ông. Danh sách c ông có quy n đ h p i h i ng c ông c l p không quá 10 ngày tr c ngày g i thông báo m i h p i h i ng c ông n u đ i u l Công ty không quy nh th i h n ng n h n. Công ty p h i công b thông tin v vi c l p danh sách c ông có quy n tham đ h p i h i ng c ông t i thi u 20 ngày tr c ngày ng ký cu i cùng;

b) Chu n b ch ng trình, n i dung đ i h i;

c) Chu n b tài li u cho đ i h i;

d) Duyệt và phê duyệt quy định chi tiêu theo nội dung đề kiến nghị của các phòng;

e) Xác định thời gian và địa điểm chi tiêu;

f) Thông báo và gửi thông báo phê duyệt chi tiêu cho tất cả các phòng có quy định;

g) Các công việc khác phục vụ chi tiêu.

Điều 15. Các tiêu chuẩn giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Khi xét duyệt đề nghị, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu chuẩn trực thuộc phụ trách và chính sách phát triển, nhân sự, ngân hàng, kế toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu chuẩn do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không được hành nghề kiêm nhiệm trong tiêu chuẩn và một trong số các thành viên này có nhiệm vụ làm Trưởng tiêu chuẩn theo quy định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu chuẩn phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu chuẩn chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu chuẩn.

2. Việc thực thi quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu chuẩn trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị Công ty.

Chương IV

CỦA CHI PHÍ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chức năng Hội đồng quản trị được bố trí trong cuộc họp ưu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc buổi họp Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc một phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trưởng họp có nhiệm vụ hướng dẫn thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số chẵn 01 người trong số triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất một quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chế độ Hội đồng quản trị áp dụng Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có ngân sách Ban kiểm soát;
- b) Có ngân sách Giám đốc hoặc ít nhất 05 ngân quỹ khác;
- c) Có ngân sách ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Quy định nội quy khoản 3 Điều này phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, văn bản cơ bản và quy định nội quy của Hội đồng quản trị.

5. Chế độ Hội đồng quản trị áp dụng Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quy định khoản 3 Điều này. Trường hợp không áp dụng Hội đồng quản trị theo quy định thì Chế độ Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra về Công ty; quy định có quy định thay thế Chế độ Hội đồng quản trị áp dụng Hội đồng quản trị.

6. Chế độ Hội đồng quản trị hoặc nội quy áp dụng Hội đồng quản trị phải ghi thông báo miễn phí chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo miễn phí xác nhận thời gian và địa điểm họp, chương trình, các văn bản thảo luận và quy định. Thông báo miễn phí kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo miễn phí Hội đồng quản trị có thể gửi bằng miệng, điện thoại, fax, phương tiện internet hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và báo cáo nhân viên liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị cũng ký tại Công ty.

7. Chế độ Hội đồng quản trị hoặc nội quy áp dụng thông báo miễn phí và các tài liệu kèm theo của các thành viên Ban Kiểm soát nội quy của các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền đề xuất các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên tham dự. Trường hợp cuộc họp chỉ áp dụng theo quy định khoản này

không s thành viên d h p theo quy nh thì c tri ut p l n th hai trong th i h n 05 ngày k t ngày d nh h p l n th nh t. Tr ng h p này, cu c h p c ti n hành n u có h n m t n a s thành viên H i ng qu n tr d h p.

9. Thành viên H i ng qu n tr c coi là tham d và bi u quy t t i cu c h p trong tr ng h p sau ây:

a) Tham d và bi u quy t tr c ti p t i cu c h p;

b) y quy n cho ng i khác n d h p và bi u quy t theo quy nh t i kho n 11 i u này;

c) Tham d và bi u quy t thông qua h i ngh tr c tuy n, b phi u i n t ho c hình th c i n t khác;

d) G i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua th , fax, th i n t ;

) G i phi u bi u quy t b ng ph ng ti n khác theo quy nh trong i u l Công ty.

10. Tr ng h p g i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua th , phi u bi u quy t ph i ng trong phong bì dán kín và ph i c chuy n n Ch t ch H i ng qu n tr ch m nh t là 01 gi tr c khi khai m c. Phi u bi u quy t ch c m tr c s ch ng ki n c a t t c nh ng ng i d h p.

11. Bi u quy t

a) Tr quy nh t i i m b kho n 11 i u 16 Quy ch này, m i thành viên H i ng qu n tr ho c ng i c y quy n theo quy nh t i kho n 9 i u này tr c ti p có m t v i t cách cá nhân t i cu c h p H i ng qu n tr có m t (01) phi u bi u quy t;

b) Thành viên H i ng qu n tr không c bi u quy t i v i giao d ch mang l i l i ích cho thành viên ó ho c ng i có liên quan c a thành viên ó theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u 43 i u l công ty;

c) Ki m soát viên có quy n d cu c h p H i ng qu n tr , có quy n th o lu n nh ng không c bi u quy t.

12. H i ng qu n tr có quy n l y ý ki n các thành viên H i ng qu n tr b ng v n b n thông qua Ngh quy t H i ng qu n tr khi thông qua các v n thu c th m quy n c a H i ng qu n tr t i Kho n 2 i u 27 i u l Công ty. M i thành viên H i ng qu n tr có m t phi u bi u quy t.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị có quy định quy tắc. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo hình thức trực tuyến tùy nghi của các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả các thành viên đang tham gia họp khác nhau và nếu điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu và tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Điều kiện cuộc họp thực hiện theo quy định này là điều kiện mà có đồng nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là điều kiện có mặt của tất cả các thành viên.

c) Các quy định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại thực hiện và tiến hành một cách hợp pháp, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp như pháp luật quy định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm ghi biên bản họp Hội đồng quản trị tất cả các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã thực hiện trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản biện nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày ghi. Biên bản họp Hội đồng quản trị lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tịch và người ghi biên bản.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) H, tên từng thành viên danh dự công ty quy định danh dự và cách thức danh dự; h, tên các thành viên không danh dự và lý do;

) Văn bản thông qua và biểu quyết tất yếu chấp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên danh dự theo trình tự diễn biến của chấp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Văn bản thông qua và tất biểu quyết thông qua từng;

i) H, tên, chữ ký, chức vụ và ngày ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này.

2. Trường hợp chấp, ngày ghi biên bản tất ký biên bản họp những người khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có ý kiến đúng theo quy định tại các điều a, b, c, d, e, g và h khoản 1 điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chấp, ngày ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong chấp phải có lưu giữ tại văn phòng chính của Công ty.

5. Biên bản họp ban giám đốc và ban giám đốc ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản ban giám đốc và ban giám đốc ngoài thì nội dung trong biên bản ban giám đốc áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Hội đồng báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 điều này phải có ghi nhận Ban kiểm soát thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp điều hành công ty hàng năm.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp điều hành công ty hàng năm. Công sở hoặc phòng của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quy định minh họ cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chức năng chuyên môn trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quy định thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị đề tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do điều hành công ty quy định tại cuộc họp hàng năm.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mức riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo điều hành công ty tại cuộc họp hàng năm.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được chi trả điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dựa trên công việc công nhận công nhận theo từng lần, lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quy định thanh toán tất cả các chi phí cá nhân, gia đình, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong

việc thi tham dự các cuộc họp hội đồng, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của hội đồng. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và nội bộ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trên hợp lệ Công ty không có quy định khác biệt nào, việc công khai lợi ích và nghĩa vụ có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sự hợp tác hoặc góp vốn; tài sản và thị giá của cổ phiếu họ nắm giữ;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn nội bộ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 điều này phải thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện công việc dưới hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty ưu tiên lợi ích cá nhân, nội dung của công việc có thể Hội đồng quản trị và chủ tịch thực hiện khi các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có thể họ thu được từ Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điểm 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau và vẫn có liên quan trong quá trình xử lý công việc phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị thực hiện phân công chịu trách nhiệm chính phối hợp phối hợp xử lý, nếu có vẫn liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp để lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công liên hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải có lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điểm 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Về vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết Giám đốc và ban máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điểm 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và công lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo từ Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

I. U KHON THI HANH

Điểm 24. Hình thức thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sách - Thi t B Tr ng H c Kiên Giang bao gồm 7 chương, 24 điểm và có hình thức thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHÍNH CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)